

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày 10/02/2023
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Văn Thuần

2. Ông Lâu Văn Phía

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Mạnh - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Mường Lát.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại Trụ Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 06/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Bá T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Cao Thị Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu phố Tén Tằn, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người làm chứng: Bà Hàn Thị D, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn Đa Lộc, xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các bản tự khai; tại phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Bá T trình bày: Anh và chị Cao Thị Đ, sinh năm 1976 trú tại: Khu phố Tén Tằn, Thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa có mối quan hệ quen biết. Do gặp khó khăn trong cuộc sống, nên ngày 25/5/2019 chị Đ có vay tiền của anh số tiền là

21.000.000đ (*Hai một triệu đồng*). Anh cho chị Đ vay không tính lãi suất, chị Đào hẹn đến ngày 08/10/2019 sẽ trả số tiền đã vay. Mục đích chị Đ vay tiền là để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của chị Đ. Khi vay tiền, chị Đ có viết giấy vay tiền với anh và ký tên vào Giấy vay tiền (*Có Giấy vay tiền bản gốc kèm theo*). Khi vay tiền hai người có thỏa thuận với nhau về thời hạn trả nợ là 08/10/2019. Tuy nhiên, kể từ ngày đến hạn trả nợ đến nay, nhiều lần anh đã yêu cầu chị Đ trả nợ số tiền đã vay để giải quyết việc gia đình, nhưng chị Đ vẫn không trả tiền cho anh. Nên anh rất bức xúc và không nghe lời chị Đ hứa hẹn nữa và anh nhận thấy hành vi của chị Đ là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh, nên anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mường Lát giải quyết buộc chị Đ phải trả hết tiền đã vay là 21.000.000đ (*Hai một triệu đồng*). Đề nghị HĐXX buộc chị Cao Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và đề nghị trả lại số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp cho anh.

Tại các bản tự khai; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Cao Thị Đ trình bày: Chị được người giới thiệu đến nhà anh Phạm Bá T ở khu 2 thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát vay tiền, cụ thể chị đã vay của anh Phạm Bá T số tiền là 21.000.000đ (*Hai một triệu đồng*), với mức lãi suất là 2.000đ/triệu/ngày, mục đích chị vay tiền là để làm ăn buôn bán, chị không ghi thời gian trả nợ. Nhưng do làm ăn thua lỗ và do ảnh hưởng của dịch Covid 19, nên đến nay chị chưa trả được số tiền vay cho anh T. Chị hứa sẽ cố gắng thu xếp trả số tiền đã vay của anh Phạm Bá T là 21.000.000đ (*Hai mươi một triệu đồng*), nhưng chị không biết thời gian nào sẽ trả, khi nào chị có thì chị sẽ trả đầy đủ cho anh Phạm Bá T. Về án phí dân sự sơ thẩm như anh T đề nghị chị phải chịu thì chị không đồng ý nộp án phí.

Tại các bản tự khai của người làm chứng Hàn Thị D trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hàn Thị D trình bày: Việc chị Cao Thị Đ vay tiền của anh Phạm Bá T thì bà được là người làm chứng, hai bên ký giấy vay tiền vào ngày 25/5/2019, chị Cao Thị Đ có hẹn đến ngày 08/10/2019 sẽ trả tiền cho anh Phạm Bá T. Nhưng đến nay, theo bà biết thì chị Cao Thị Đ vẫn chưa trả số tiền 21.000.000đ (*Hai một triệu đồng*) cho anh Phạm Bá T. Bà cam đoan lời khai của bà là sự thật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát trình bày quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật như xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ; thủ tục thụ lý vụ án; thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định tại điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 92; khoản 3 điều 144; Điều 146; khoản 1 Điều 147; Điều 184; Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 149; Điều 150; Điều 166; Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Bá T tại phiên tòa. Buộc chị Đ phải trả hết tiền đã vay là 21.000.000đ (Hai một triệu đồng).

Án phí và kháng cáo: Buộc chị Cao Thị Đ phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Phạm Bá Tuyền. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa anh Phạm Bá T và chị Cao Thị Đ là tranh chấp đòi lại tài sản xuất phát từ “Hợp đồng vay tiền mặt”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát và được quy định tại khoản 3 điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân; Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự đã làm bản tự khai nêu lên quan điểm và yêu cầu của mình. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải những vấn đề mà các bên đương sự yêu cầu, nhưng các đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Do vậy, ngày 27/01/2023, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì anh Phạm Bá T là Nguyên đơn; Chị Cao Thị Đ là bị đơn; Các đương sự luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình, từ khi thụ lý vụ án, cung cấp tài liệu chứng cứ, viết lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, được quy định tại điều 70, điều 71, điều 72, điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị Cao Thị Đ đề nghị HĐXX triệu tập bà Hàn Thị D tham gia phiên tòa. Nhưng HĐXX xét thấy, bà Hàn Thị D đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, đại diện VKS tham gia phiên tòa cũng đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà Hàn Thị D. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 229 BLTTDS, thì HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Hàn Thị D.

[2] Về nội dung tranh chấp và thời hiệu khởi kiện: Ngày 25/5/2019, chị Cao Thị Đ đã viết giấy và ký nhận giấy vay tiền với anh Phạm Bá T với tổng số tiền là 21.000.000đ (Hai một triệu đồng), trong giấy vay tiền ghi thời hạn trả nợ ngày 08/10/2019, không thể hiện việc thế chấp, không thể hiện lãi suất, hợp đồng có nội dung rõ ràng, người vay ký nhận hoàn toàn tự nguyện, có người làm chứng, không bị ép buộc. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật. Hơn nữa, do quan hệ này xuất phát từ “Hợp đồng vay tài sản” nhưng đã hết thời hiệu khởi kiện về loại tranh chấp này. Căn cứ điều 149, điều 150, điều 357, điều 429, điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì đây là tranh chấp “Đòi

tài sản”. Căn cứ điều 105 thì số tiền này là tài sản của anh Phạm Bá T. Vì vậy, yêu cầu của anh Phạm Bá T là đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Bá T: Anh T đề nghị Tòa án buộc chị Cao Thị Đ phải thanh toán số tiền là 21.000.000đ (Hai một triệu đồng), quá trình giải quyết, hòa giải, tại phiên tòa, thì các bên thống nhất được số tiền mà chị Cao Thị Đ phải trả cho anh Phạm Bá T là 21.000.000đ (Hai một triệu đồng), nhưng các bên không thống nhất được thời hạn trả nợ và phương thức trả.

[4] Xét đề nghị của chị Cao Thị Đ: Chị Đ cho rằng, việc chị nợ anh T số là 21.000.000^d là có thật, chị vay có viết giấy và chị ký giấy vay nợ với anh T là đúng. Nhưng số tiền này, chị vay của anh Phạm Bá T là tiền vay lãi suất cao là 2.000^d/ngày/1.000.000^d

Ngày 09/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát đã chuyển đơn tố cáo của chị Cao Thị Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát và Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát về việc chị Đ tố cáo anh T “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Ngày 29/11/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát đã Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, số 07/QĐ-CSĐT về đơn tố cáo của của chị Cao Thị Đ, nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự.

[5] Tại phiên Tòa: Anh Phạm Bá T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc chị Cao Thị Đ phải trả đầy đủ số tiền đã vay là 21.000.000^d (Hai một triệu đồng). Hình thức trả: 01 lần; Chị Cao Thị Đ đồng ý trả cho anh T số tiền 21.000.000đ (Hai một triệu đồng) mà chị đã vay, chị xác nhận chị vay tiền hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc về việc ký nhận giấy vay tiền với anh Phạm Bá T, nhưng hiện nay chị đang ốm đau, đang nợ nần nhiều, nên khi nào có sẽ trả cho anh T, không hẹn thời gian cụ thể. Như vậy, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Bá T, các tài liệu chứng cứ các đương sự cung cấp và hòa giải, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Việc chị Cao Thị Đ còn nợ số tiền 21.000.000^d (Hai một triệu đồng) của anh Phạm Bá T là thực tế. Cho nên, HĐXX, buộc chị Cao Thị Đ phải có trách nhiệm trả cho anh Phạm Bá T số tiền là 21.000.000^d (Hai một triệu đồng). Hình thức trả: 01 lần.

[6] Về án phí, kháng các và kháng nghị: Chị Cao Thị Đ là người vi phạm hợp đồng và có nghĩa vụ phải trả tiền cho nguyên đơn Phạm Bá Tuyên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Anh Phạm Bá T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mường Lát.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 92; khoản 3 điều 144; Điều 146; khoản 1 Điều 147; Điều 184; Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 149; Điều 150; Điều 166; Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Phạm Bá T.

Buộc chị Cao Thị Đ phải trả cho anh Phạm Bá T số tiền là 21.000.000^d (Hai một triệu đồng). Hình thức trả: 01 lần. Thời gian trả: Khi án có hiệu lực pháp luật.

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự”.

2. Án phí: Buộc chị Cao Thị Đ phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.050.000^d (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả lại cho anh Phạm Bá T số tiền tạm ứng án phí 525.000^d (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0013868, ngày 20 tháng 10 năm 2022.

“Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật chị Cao Thị Đào phải thi hành án số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND T. Thanh Hóa;
- Phòng 9 - Viện kiểm sát nhân dân T. Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng

